| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2 – GIA LAI**<br>**TỈNH GIA LAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 148/2026/QĐST-HNGĐ | *Gia Lai, ngày 17 tháng 04 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 258/2026/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 04 năm 2026; giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Gia Lai.

Căn cước công dân số: 052177002231

Bị đơn: Anh Lê Văn T1, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Gia Lai.

Căn cước công dân số: 052078002010

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2026.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Lê Văn T1.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**2.1.** Về quan hệ con chung: Giao người con chung tên Lê Thúy Q, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2012, hiện nay đang ở với anh Lê Văn T1 cho anh Lê Văn T1 tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Trần Thị T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

**2.2.** Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Lê Văn T1 không yêu cầu giải quyết.

**2.3.** Về án phí: Chị Trần Thị Thứ tự N chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003395 ngày 09 tháng 4 năm 2026 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị T 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Gia Lai;
- UBND xã Tuy Phước Bắc, tỉnh Gia Lai (Giấy CNKH số 89/2009);
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - GIA LAI

**Võ Duy Minh**